



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.02749**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : BACILLUS SUBTILIS  
**Số lượng/ khối lượng** : 48 thùng/ 720 kg  
**Ngày sản xuất** : 10/4/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Novozymes (Shenyang) Biologicals Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4500235076 ngày 20/3/2025  
Hóa đơn số : 640008096 ngày 22/5/2025  
Vận đơn số : DLC31103530  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 4130/HQ-GDK-TTKN ngày 13/6/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250036100)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MSD ANIMAL HEALTH VIỆT NAM**  
Địa chỉ: Phòng 5-6, Lầu 16, Số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 1387/QĐ-TTKN

Ngày 03 tháng 7 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.02750**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : LATIBON PLUS ME  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.200 bao/ 30.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 13/3/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Dr. Eckel Animal Nutrition GmbH & Co. KG, Germany  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VKAU-104356 ngày 07/3/2025  
Hóa đơn số : VRG-104426 ngày 28/3/2025  
Vận đơn số : 2/500/04/545132  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3188/HQ-GDK-TTKN ngày 10/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250034686)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MSD ANIMAL HEALTH VIỆT NAM**  
Địa chỉ: Phòng 5-6, Lầu 16, Số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1387/QĐ-TTKN  
Ngày 03 tháng 7 năm 2025



**Lê Văn Yên**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/ ngày mã hoá                            | Mã mẫu       | Quy chuẩn áp dụng                              | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích |                                                                                                        | Ghi chú                    |
|------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|                                                      |              |                                                | Tên sản phẩm                     | Chỉ tiêu phân tích                                                                                     |                            |
| Công ty TNHH MSD Animal Health Việt Nam<br>20/6/2025 | 0625302/HQV2 | Mục 2.1 bảng 1 QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPT NT | LATIBON PLUS ME                  | As vô cơ (mg/kg)<br>Hg (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Cd (mg/ kg)<br>E. coli (CFU/g)<br>Salmonella (CFU/25g) | BNNPTN<br>T2925003<br>4686 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện | Đơn vị            | Thời gian ( ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...) | Phòng thí nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|-------------------|----------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế Linh | Trung tâm Vùng II | 17h30 ngày 20/6/2025                         | ASTAC                          |         |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 7549/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 205325061105  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/06/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 23/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625302/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | <0,9               | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,99               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | <i>Escherichia coli</i> (*)(**)        | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | <i>Salmonella</i> spp. (*)(**)         | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 26/06/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/ ngày mã hoá                            | Mã mẫu       | Quy chuẩn áp dụng                         | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích |                                                                                        | Ghi chú              |
|------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|                                                      |              |                                           | Tên sản phẩm                     | Chỉ tiêu phân tích                                                                     |                      |
| Công ty TNHH MSD Animal Health Việt Nam<br>18/6/2025 | 0625287/HQV2 | Mục 2.3 bảng 3 QCVN 02-32-1:2019/BNNP TNT | BACILLUS SUBTILIS                | <i>E. coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25 g)<br><i>Bacillus</i> spp (CFU/ g) | BNNPTN T2925003 6100 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện | Đơn vị            | Thời gian ( ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...) | Phòng thí nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|-------------------|----------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế Linh | Trung tâm Vùng II | 17h30 ngày 18/6/2025                         | ASTAC                          |         |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 7185/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 20042506946  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/06/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 19/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result     | Phương pháp thử/<br>Test method               |
|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------|------------------------|-----------------------------------------------|
| 0625287/HQV2                           | <i>Bacillus</i> spp. (*)(**)           | CFU/g        | 1,3 x 10 <sup>10</sup> | HDS-03 (Ref. TCVN 8736:2011; BS EN15784:2009) |
|                                        | <i>Escherichia coli</i>                | CFU/g        | <10                    | TCVN 7924-2:2008                              |
|                                        | <i>Salmonella</i> spp.                 | /25g         | KPH                    | TCVN 10780-1:2017                             |

Cần Thơ, ngày/date: 23/06/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.